



Tiêu chuẩn mới về sự hoàn hảo trong việc trải bê tông

Máy trải bê tông SP 25



Những đặc điểm nổi bật Máy trải bê tông **SP 25**

02
03

1 | HỆ THỐNG KHUÔN TRẢI INSET DẠNG MÔ-ĐUN

Thiết kế theo kiểu mô-đun giúp máy dễ dàng tương thích với các điều kiện công trường. Có thể điều chỉnh được bề rộng làm việc. Mặt cắt ngang của biên trái có thể thấy được.

2 | HỆ THỐNG KHUÔN TRẢI OFFSET LINH HOẠT CAO

Hệ thống cấp nạp bê tông cho máy có nhiều tùy chọn đi kèm. Tính linh hoạt trong việc bố trí các khuôn trải offset bên trái hoặc phải, gần hay xa so với khung máy. Có nhiều dạng khuôn trải offset được cung cấp cho nhiều loại ứng dụng thảm khác nhau.

9 | SỰ TƯƠNG THÍCH THEO MÔ-ĐUN

Việc bố trí khuôn trải linh hoạt cùng với các bánh xích giúp đảm bảo sử dụng thiết bị một cách hiệu quả.

10 | DỄ VẬN HÀNH

Khoang vận hành được thiết kế vô cùng tiện lợi cùng với cụm chức năng điều khiển dễ hiểu giúp tăng hiệu quả làm việc.

11 | TÍNH NĂNG VẬN CHUYỂN THÔNG MINH

Máy kích thước gọn gàng giúp dễ dàng cho khâu vận chuyển.



3 | HỆ THỐNG KIỂM SOÁT MÁY CHẤT LƯỢNG CAO

Hệ thống kiểm soát chất lượng giúp tối đa tính năng an toàn khi vận hành, chính xác hóa các chức năng máy và tự động nhận diện cấu hình cũng như thông số máy.

4 | HỆ THỐNG LÁI CHUYÊN VÀ KIỂM SOÁT MÁY THÍCH HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU CÔNG TRƯỜNG

Hệ thống kiểm soát và lái chuyên thông qua hộp đen giúp việc thăm bê tông và dẫn động thiết bị diễn ra một cách chuẩn xác.

5 | KIỂM SOÁT ĐỘNG CƠ HIỆU QUẢ

Kiểm soát động cơ làm việc ứng với từng yêu cầu về công suất hoạt động giúp giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ và hạn chế phát sinh khí thải.

6 | AUTOPILOT – HỆ THỐNG KIỂM SOÁT MÁY HIỆU QUẢ THEO TUYẾN ĐỊNH SẴN

Hệ thống kiểm soát máy được phát triển nhằm nâng cao độ chính xác và phục vụ đắc lực cho việc thăm bê tông.

7 | GIAO DIỆN 3D GIAO DIỆN CỦA TƯƠNG LAI

Giao diện tiêu chuẩn đã được chứng nhận về tính tương thích trong việc tương tác với hệ thống kiểm soát 3D.

8 | KIỂM SOÁT GÓC DỐC NGANG TUYỆT VỜI

Hệ thống kiểm soát góc dốc ngang tiên tiến góp phần nâng cao chất lượng vệt trải.



Đặc tính kỹ thuật

04
05

	SP 25
Phạm vi ứng dụng	Trái Offset / Inset
Hệ thống cấp bê tông vào	
Băng tải, loại vận chuyển bê tông bằng đai	Dài: 4,900 mm, Đai rộng: 600 mm
Băng tải, loại vận chuyển bê tông bằng đai, loại dài (tùy chọn)	Dài: 5,900 mm, Đai rộng: 600 mm
Băng tải, loại vận chuyển bê tông bằng đai, gập lại được (tùy chọn)	Dài: 6,000 mm, Đai rộng: 600 mm
Băng tải, loại vận chuyển bê tông bằng vít xoắn (tùy chọn)	Dài: 4,600 mm, Đường kính cánh xoắn: 400 mm
Bộ dụng cụ thăm bê tông kiểu offset	
Lắp đặt	Bên trái / Bên phải
Điều chỉnh khuôn ra vào khu vực bên hông	1,100 mm
Điều chỉnh chiều cao của khuôn (tùy chọn)	400 mm
Chiều cao khuôn trái, tối đa	2,000 mm* ¹
Bề rộng khuôn trái, tối đa	2,500 mm* ¹
Vít xoắn	Dài: 2,500 mm, Đường kính cánh xoắn: 400 mm
Bộ dụng cụ thăm bê tông kiểu inset (tùy chọn)	
Khuôn trái	1,000 đến 3,500 mm
Thành be trước	1,000 đến 3,500 mm
Vít xoắn	2,000 đến 3,500 mm
Thanh day miết bê tông	2,000 đến 3,500 mm
Bàn xoa	2,000 đến 3,500 mm
Bề dày lớp trái. tối đa	400 mm* ¹
Bộ rung	
Đầu nối cho bộ rung dẫn động bằng thủy lực	5 hoặc 10 (tùy chọn)
Đầu nối cho bộ rung dẫn động bằng điện (tùy chọn)	5 hoặc 10
Trống cào (tùy chọn)	
Bề rộng tiêu chuẩn	600 mm
Bề rộng làm việc, tối đa	1,600 mm* ²
Chiều sâu làm việc	0 đến 150 mm
Đường kính trống cào với mũi cào	500 mm
Chiều cao nâng tối đa	775 mm
Điều chỉnh chiều cao, bằng thủy lực	400 mm
Điều chỉnh chiều cao, bằng cơ khí	375 mm
Điều chỉnh vị trí làm việc cho trống cào	1,900 mm
Động cơ	
Nhà sản xuất	Deutz
Loại	TCD 2012 L06 2V AG3
Làm mát	Bằng nước
Số xi lanh	6
Công suất định mức tại 2,100 vòng/phút	118 kW / 158 HP / 160 PS

*¹ = Vui lòng tham khảo tư vấn của nhà máy đối với những ứng dụng đặc biệt hoặc những khuôn trái offset dạng khác

*² = Vui lòng tham khảo tư vấn của nhà máy đối với các ứng dụng có bề rộng trái đặc biệt

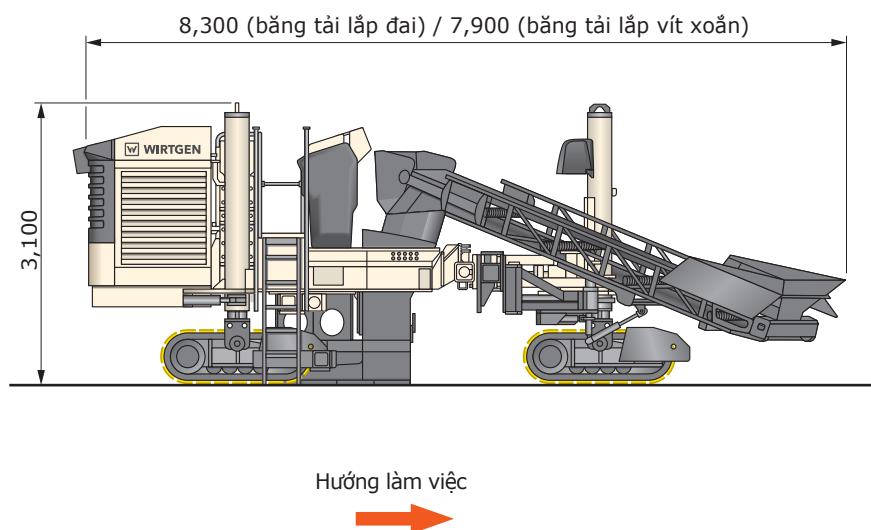
		SP 25	
Động cơ			
Dung tích xi lanh		6,057 cm ³	
Tiêu thụ nhiên liệu, toàn tải		32.0 lít/h	
Tiêu thụ nhiên liệu, bình quân tại công trường		14.3 lít/h	
Tiêu chuẩn khí thải		EU Stage 3a / US Tier 3	
Hệ thống điện			
Nguồn cấp		24 V	
Dung tích các thùng chứa			
Thùng nhiên liệu		440 lít	
Thùng dung dịch Adblue® / DEF		–	
Thùng dầu thủy lực		135 lít	
Thùng nước (tùy chọn)		900 lít (2 thùng x 450 lít)	
Các đặc tính hệ thống dẫn động			
Tốc độ trải		0 đến 15 m	
Tốc độ lúc di chuyển (không làm việc)		0 đến 35 m	
Bánh xích		Tiêu chuẩn	Tùy chọn
Số lượng		3	4
Lắp đặt		2 x sau / 1 x trước	1 x trước (thêm)
Kích thước (L x W x H)		1,580 x 300 x 540 mm	
Điều chỉnh cao độ máy			
Bảng thủy lực		1,250 mm	
Bảng cơ khí		560 mm	
Kích thước vận chuyển (L x W x H)* ³			
Máy cơ sở không bao gồm hệ thống cấp nạp liệu		6,100 mm x 2,500 mm x 2,900 mm	
Máy cơ sở gồm cả băng tải (đai)		8,300 mm x 2,500 mm x 2,950 mm	
Máy cơ sở gồm cả băng tải (đai gập lại được)		7,100 mm x 2,500 mm x 2,950 mm	
Máy cơ sở gồm cả băng tải (vít xoắn)		7,900 mm x 2,500 mm x 2,950 mm	
Băng tải (đai) không bao gồm máng trượt		5,500 mm x 1,050 mm x 680 mm	
Băng tải (đai gập lại được) không bao gồm máng trượt		6,600 mm x 1,050 mm x 930 mm	
Băng tải (vít xoắn) không bao gồm máng trượt		5,100 mm x 1,150 mm 1,000 mm	
Trống cào		2,300 mm x 800 mm x 1,680 mm	
Trọng lượng máy* ⁴		3 bánh xích	4 bánh xích
Trọng lượng khô của máy bao gồm cả băng tải (đai)		13,000 kg	15,500 kg
Trọng lượng vận hành, CE* ⁵ của máy cơ sở, có bao gồm cả băng tải (đai)		13,600 kg	16,100 kg
Trọng lượng vận hành tối đa (thùng chứa đầy, trống và băng tải, không có khuôn)		16,000 kg	20,000 kg
Trống cào, bề rộng làm việc 600mm		1,300 kg	
Băng tải loại vận chuyển bê tông bằng đai		850 kg	
Băng tải loại vận chuyển bê tông bằng đai, thiết kế gập lại được		920 kg	
Băng tải loại vận chuyển bê tông bằng vít xoắn		1,300 kg	

*³ = Tất cả kích thước này đều là kích thước tối thiểu không bao gồm khuôn trải offset
*⁴ = Trọng lượng máy tùy thuộc vào các phụ kiện lắp theo từng ứng dụng và bề rộng làm việc
*⁵ = Trọng lượng máy với nửa thùng nước, nửa thùng nhiên liệu, thợ vận hành 75kg và bộ dụng cụ đi kèm

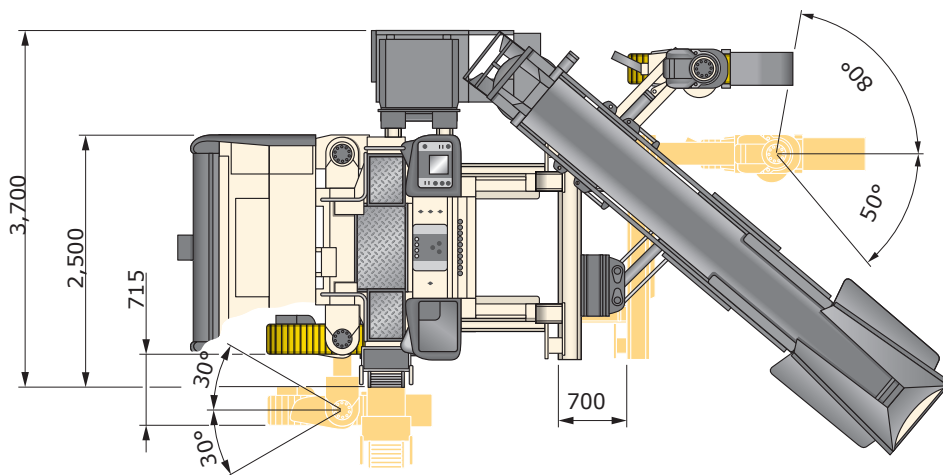
Kích thước máy

06
07

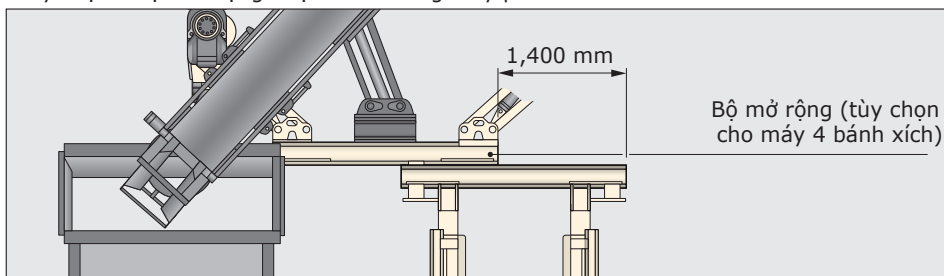
Máy offset: Nhìn từ bên hông, máy được lắp với băng tải (đai)



Máy offset: Bố trí của các bánh xích

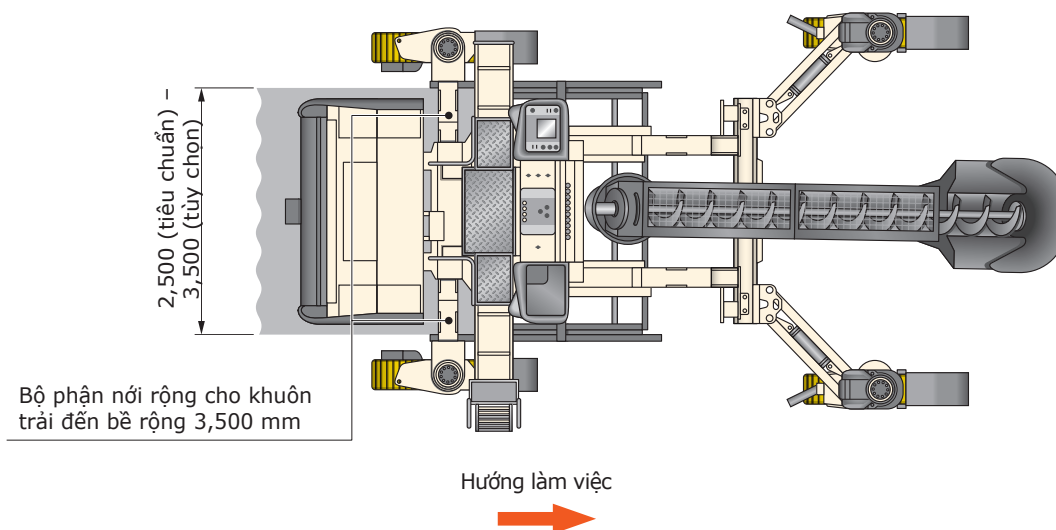


Tùy chọn trượt mở rộng được khối khung máy phía trước

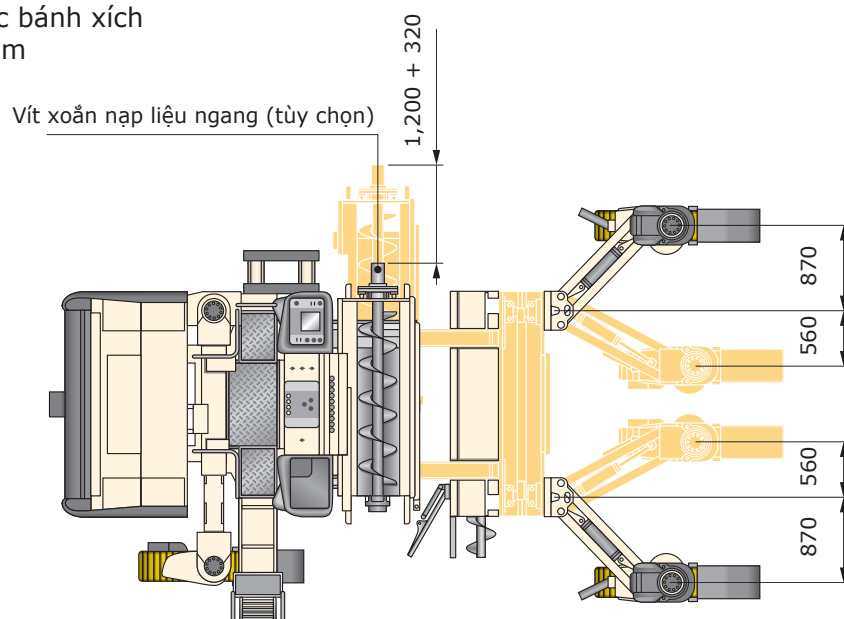


Đơn vị: mm

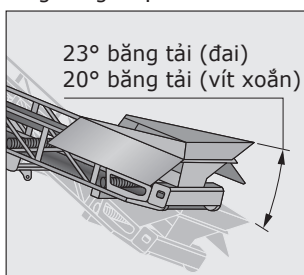
Máy inset: Nhìn từ trên xuống, máy có lắp băng tải (vít xoắn)



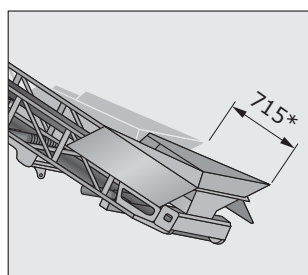
Máy inset: Bố trí của các bánh xích và trang bị tùy chọn thêm



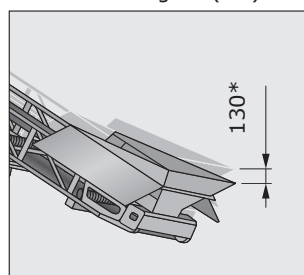
Hệ thống cấp nạp bê tông nghiêng được



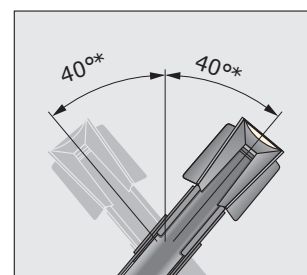
Trượt băng tải (đai)



Điều chỉnh chiều cao băng tải có khí cho băng tải (đai)



Xoay băng tải (đai)



Đơn vị: mm

* = Đặc điểm này cũng đúng với băng tải vít xoắn

Trang bị tiêu chuẩn

SP 25

Máy cơ sở

Thùng nhiên liệu 440 lít



Thùng nhiên liệu 375 lít



Thùng dầu thủy lực 250 lít



Hệ thống điện (24 V)



Hệ thống bơm thủy lực



1 bơm thủy lực được điều khiển bằng tín hiệu áp, mạch hở dùng dẫn động các bánh xích



1 bơm thủy lực được điều khiển bằng tín hiệu áp, mạch hở dùng dẫn động các thanh rung bằng điện và thủy lực hoặc dẫn động bánh xích chạy ở tốc độ thô (số 2)



1 bơm thủy lực được điều khiển bằng áp, mạch hở dùng cho các chức năng xi lanh



1 bơm thủy lực được điều khiển qua van tỉ lệ, mạch kín dùng dẫn động cho băng tải (đai hoặc vít xoắn)



Khung máy và hệ thống điều chỉnh cao độ

Khung máy đủ vững chắc để lắp 2 bộ chân xích ở phía sau và 1 hoặc 2 bộ chân xích ở phía trước



Mở rộng chiều dài được thêm 0.70 m, cho phép máy thích ứng với các điều kiện làm việc tại công trường hoặc cho phép lắp thêm trống cào trước khuôn trái



Nới bề rộng được thêm 0.715 m bằng thủy lực ở khu vực bánh xích sau bằng cách di chuyển 1 hoặc 2 chân xích, do đó, máy vừa vẫn có thể ổn định khi trái offset với những biên dạng cụ thể hoặc vừa có thể trang bị được thêm các khuôn trái giữa 2 chân xích sau để đạt đến bề rộng trái 2.50 m



Các bánh xích và sự kết nối các bánh xích

Các bộ xích được dẫn động bằng thủy lực, dài 1.56 m, tỉ số truyền 1:122, gồm cả thiết bị để kéo máy



Tốc độ thăm có thể thay đổi được từ 0 đến 15 m/phút



Tốc độ di chuyển có thể thay đổi được từ 0 đến 35 m/phút



Xi lanh cao độ có hành trình lên đến 1.25 m



Phiên bản với 1 bộ chân xích lắp phía trước



3 bộ bánh xích loại guốc rời với pa-te bằng thép



Hệ thống lái chuyển, cao độ và bộ điều khiển

Hệ thống điều khiển dạng kỹ thuật số, màn hình LCD hiển thị tất cả các thông tin cho người sử dụng và cho phép cài đặt các thông số làm việc cho máy, vd: Lựa chọn ngôn ngữ (D / GB / F / E / NL)



Kiểm soát lái chuyển và cân chỉnh cao độ bằng điện thủy lực, được hệ thống PLC điều khiển với 2 cảm biến cao độ, 2 cảm biến lái chuyển cùng với 1 cảm biến độ dốc



Bộ lắp cảm biến, có thể điều chỉnh được chiều cao và phạm vi làm việc



Bộ rung

Bộ dẫn động động rung bằng thủy lực với 5 thanh rung



2 thanh rung thẳng D66, được dẫn động bằng thủy lực



Dàn trái bê tông

Hệ thống treo thu đẩy được bằng thủy lực cho các khuôn trái offset theo 1 hướng, hành trình: 1.10 m



Khuôn trái offset rộng 0.60 m (cao tối đa 0.40 m). (Biểu mẫu TEI#2170960)



Trang bị trái offset

Các khuôn trái offset có thể lắp ở bên trái hoặc bên phải của máy



Băng tải (đai) 4.90 m x 0.60 m, điều chỉnh được và được dẫn động chạy ngược bằng thủy lực



Máng dẫn bê tông bằng thép



Khác

Máy có các chuẩn bị để lắp bộ điều khiển cho Hệ thống WITOS Fleetview



Chứng nhận thiết kế chuẩn châu Âu, phù hợp với tiêu chuẩn CE



Sơn tiêu chuẩn màu trắng kem RAL 9001



Cụm chiếu sáng với 3 đèn halogen 24 V



- ☒ = Trang bị tiêu chuẩn
- ☐ = Trang bị tiêu chuẩn, có thể thay thế được bằng trang bị tùy chọn
- ☐ = Trang bị tùy chọn

Trang bị tùy chọn

	SP 25
Các bánh xích và sự kết nối các bánh xích	
Phiên bản với 1 bộ chân xích trước có khả năng xoay được (xoay song song với tay đòn chân chống)	☐
Chân xích thứ 4 và 2 bộ chân phía trước có thể xoay được (xoay song song với tay đòn chân chống)	☐
3 bánh xích với bộ guốc xích poli-urethane	☐
4 bộ bánh xích với guốc rời và pa-te bằng thép	☐
4 bánh xích với bộ guốc xích poli-urethane	☐
Một phần khung máy có thể trượt mở rộng được, phía trước	☐
Phần khung mở rộng ở phía sau, để tham với khuôn rộng từ 2.50 m đến 3.50 m	☐
Phần khung mở rộng ở phía trước, để tham với khuôn rộng từ 2.50 m đến 3.50 m	☐
Hệ thống lái chuyển, cao độ và bộ điều khiển	
2 cảm biến dạng thanh quét	☐
Cảm biến lái chuyển và cao độ thứ 3 khi tham quanh góc hẹp	☐
Các trang bị chờ để lắp hệ thống cao độ 3D	☐
Dàn trải bê tông cho bề mặt công trình	
Vít xoắn dàn bê tông 2.00 m	☐
Vít xoắn dàn bê tông- bộ nối rộng 0.25 m, xoắn theo chiều kim đồng hồ	☐
Vít xoắn dàn bê tông- bộ nối rộng 0.50 m, xoắn theo chiều kim đồng hồ	☐
Vít xoắn dàn bê tông - bộ nối rộng 0.75 m, xoắn theo chiều kim đồng hồ	☐
Bộ rung	
Bộ dẫn động rung bằng điện với máy phát 10 kVA cho 5 thanh rung	☐
2 thanh rung dạng cong D66, được dẫn động bằng thủy lực	☐
2 thanh rung dạng thẳng D66, được dẫn động bằng điện	☐
2 thanh rung dạng cong D66, được dẫn động bằng điện	☐
Rung dẫn động bằng thủy lực, bổ sung thêm (5x)	☐
Rung dẫn động bằng điện, bổ sung thêm (5x)	☐
Thanh rung dạng thẳng D66, được dẫn động bằng thủy lực	☐
Thanh rung dạng cong D66, được dẫn động bằng thủy lực	☐
Thanh rung dạng thẳng D66, được dẫn động bằng điện	☐
Thanh rung dạng cong D66, được dẫn động bằng điện	☐
Trang bị trải bê tông	
Ván khuôn dòng seri 900 m, bề rộng cơ sở 1.00 m	☐
Ván khuôn dòng seri 900 m / 910 m - Phần nối rộng 0.25 m	☐
Ván khuôn dòng seri 900 m - Phần nối rộng 0.50 m	☐
Ván khuôn dòng seri 900 m - Phần nối rộng 0.75 m	☐
Ván khuôn dòng seri 900 m - Phần nối rộng 1.00 m	☐
Các bộ phận phụ trợ cho việc lắp khuôn trải (2.50 m / 8 ft đến 3.50 m / 12 ft)	☐
Be dài 2.80 m, với ván khuôn dành cho việc trải với bề dày lớn	☐
Cổng đo lường vật liệu, dài 1.00 m	☐
Điều chỉnh chiều cao cho các cổng đo lường vật liệu bằng thủy lực	☐
Cổng đo lường vật liệu - Phần nối rộng 0.25 m	☐
Cổng đo lường vật liệu - Phần nối rộng 0.50 m	☐
Cổng đo lường vật liệu - Phần nối rộng 0.75 m	☐
Cổng đo lường vật liệu - Phần nối rộng 1.00 m	☐

- = Trang bị tiêu chuẩn
- = Trang bị tiêu chuẩn, có thể thay thế bằng trang bị tùy chọn
- = Trang bị tùy chọn

Trang bị tùy chọn

SP 25

Trang bị cho việc trải bê tông

Bộ phận day/miết bề mặt bê tông - Bề rộng cơ sở 2.00 m

☐

Bộ phận day/miết bề mặt bê tông - Bộ nổi rộng 0.25 m

☐

Bộ phận day/miết bề mặt bê tông - Bộ nổi rộng 0.50 m

☐

Bộ phận day/miết bề mặt bê tông - Bộ nổi rộng 0.75 m

☐

Bàn xoa - Bề rộng cơ sở 2.00 m

☐

Bàn xoa - Bộ nổi rộng 0.25 m

☐

Bàn xoa - Bộ nổi rộng 0.50 m

☐

Dàn trải bê tông

Bảng tải (đai) 5.90 m x 0.60 m với chức năng dẫn động và điều chỉnh được bằng thủy lực, chạy ngược được

☐

Bảng tải (đai) 6.00 m x 0.60 m, gấp được, dẫn động và điều chỉnh được bằng thủy lực, chạy ngược được

☐

Bảng tải (vít xoắn) 4.60 m x 0.40 m với chức năng dẫn động và điều chỉnh được bằng thủy lực, chạy ngược được

☐

Bảng tải (vít xoắn) 5.70 m x 0.40 m với chức năng dẫn động và điều chỉnh được bằng thủy lực, chạy ngược được

☐

Máng dẫn bê tông bằng thép / cao su

☐

Vít xoắn cuộn bê tông ra khuôn, dài 2.50 m, đặc biệt sử dụng cùng với khuôn trải barrier và có lắp trống cào

☐

Trang bị thực hiện trải offset

Hệ thống treo thu đẩy bằng thủy lực theo cả 2 hướng, tổng hành trình: 1.10 m

☐

Hệ thống thay thế nhanh các khuôn trải offset bằng thủy lực

☐

Các bảng kết nối chờ trước của hệ thống thay thế nhanh các khuôn trải offset

☐

Khuôn trải offset rộng từ 0.60 m đến 1.20 m (cao tối đa 0.4 m). (Biểu mẫu TEI#2170960)

☐

Khuôn trải offset rộng từ 1.2 m đến 1.8 m (cao tối đa 0.4 m) (Biểu mẫu TEI #2170960)

☐

Ván khuôn trải offset cao 0.9 m (bề rộng cơ sở tối đa 0.6 m), gồm phiếu nhận liệu (Biểu mẫu TEI #2170960)

☐

Ván khuôn trải offset cao 1.2 m (bề rộng cơ sở tối đa 0.6 m), gồm phiếu nhận liệu (Biểu mẫu TEI #2170960)

☐

Khuôn trải offset dạng xẻ đôi rộng 0.6 m (cao tối đa 0.4 m) (Biểu mẫu TEI #2170960)

☐

Khuôn trải offset dạng xẻ đôi rộng 0.6 m đến 1.2 m (cao tối đa 0.4 m) (Biểu mẫu TEI #2170960)

☐

Các phụ tùng bên dưới cho khuôn trải offset (AV) của khuôn dạng chẻ đôi rộng 0.6 m (cao tối đa 0.4 m)

☐

Các phụ tùng bên dưới cho khuôn trải offset (AV) của khuôn dạng chẻ đôi rộng từ 0.6 m đến 1.2 m (cao tối đa 0.4 m)

☐

Bộ be nổi thêm khi trải với bề dày lớn, dùng cho khuôn offset dạng chẻ đôi

☐

Hệ thống treo có thể điều chỉnh được bằng thủy lực với hành trình 0.40 m cho khuôn offset dạng chẻ đôi

☐

1 cụm chức năng thủy lực điều chỉnh be hông cho khuôn trải offset EV

☐

1 cụm chức năng thủy lực điều chỉnh be hông cho khuôn trải offset AV

☐

Trống cào hỗ trợ cho việc trải offset

Trống cào, bề rộng cơ sở 0.60 m, lắp bên trái

☐

Trống cào - Bộ nổi rộng 0.20 m, lắp bên trái

☐

Trống cào - Bộ nổi rộng 0.40 m, lắp bên trái

☐

Trống cào, bề rộng cơ sở 0.60 m, lắp bên phải

☐

Trống cào - Bộ nổi rộng 0.20 m, lắp bên phải

☐

Trống cào - Bộ nổi rộng 0.40 m, lắp bên phải

☐

- ☒ = Trang bị tiêu chuẩn
- ☐ = Trang bị tiêu chuẩn, có thể thay thế bằng trang bị tùy chọn
- ☐ = Trang bị tùy chọn

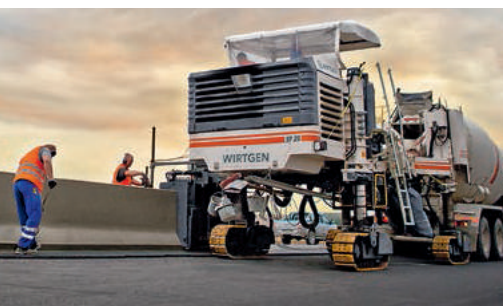
	SP 25
Khoang vận hành	
Mái che cho khoang vận hành	☐
Mái che cho khoang vận hành, chiều cao mái che được nâng hạ bằng thủy lực	☐
Khác	
Sơn bảng 1 màu sơn đặc biệt (RAL)	☐
Sơn bảng 2 màu sơn đặc biệt (RAL)	☐
Sơn bảng tối đa 2 màu sơn đặc biệt với phần nền bên dưới là màu đặc biệt (RAL)	☐
Cụm đèn chiếu sáng công suất lớn gồm 3 đèn LED 24 V	☐
Cụm chiếu sáng gồm 4 đèn halogen loại 24V	☐
Cụm đèn chiếu sáng công suất lớn gồm 4 đèn LED 24 V	☐
Bộ vệ sinh máy bằng nước cao áp với thùng nước 460 lít	☐
Bơm nước hỗ trợ thêm, 24 V	☐
Thùng nước thêm, 460 litres	☐
Hệ thống AutoPilot (868 đến 870 MHz) với dụng cụ Field Rover	☐
Bộ truyền tín hiệu laze cho AutoPilot bao gồm cả chân đế	☐
Bộ nhận tín hiệu laze cho Autopilot	☐
Cảm biến siêu âm cho AutoPilot	☐
50 trạm Leica iCON robot AutoPilot	☐
Hệ thống căng cáp, toàn bộ với 1,000 m cáp	☐
Tời tăng đơ thứ cấp cho hệ thống cao độ máy sử dụng với 2 cuộn cáp	☐
Hệ thống tăng đơ cáp, toàn bộ với 4 x 300 m dây nylon	☐
Bộ dụng cụ hỗ trợ khi vòng cua, ty bằng thủy tinh sợi thay cho cáp dẫn hướng ở những nơi góc cua thay đổi	☐
Hệ thống viễn tin WITOS Fleetview với khoảng thời gian hoạt động 3 năm	☐
Hệ thống viễn tin WITOS Fleetview với khoảng thời gian hoạt động 3 năm – NÂNG CẤP	☐
Đánh giá hàng ngày lúc khởi động	☐
Gói xuất khẩu	☐

- ☒ = Trang bị tiêu chuẩn
- ☐ = Trang bị tiêu chuẩn, có thể thay thế bằng trang bị tùy chọn
- ☐ = Trang bị tùy chọn



WIRTGEN GmbH

Reinhard-Wirtgen-Str. 2 · 53578 Windhagen · Germany
Phone: +49 (0) 2645/131-0 · Fax: +49 (0) 26 45/131-392
Internet: www.wirtgen.com · E-Mail: info@wirtgen.com



TÔNG ĐẠI LÝ CHÍNH THỨC TẠI VIỆT NAM



Công ty CP Tổng Công Ty Vĩnh Phú

Số 990 - Xa lộ Hà Nội - P. Bình Đa - Biên Hòa - Đồng Nai

ĐT: 02513 831 615 - Fax: 02513 836 836

Email: vinhphu@vitrac.vn - Website: www.vitrac.vn

Văn phòng, Kho hàng tại Hà Nội

Lô 1 - KCN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội

ĐT: 02435 562 277 - Fax: 02435 561 212

Email: vinhphuhanoi@vitrac.vn



Các minh họa trên và các diễn giải không dùng để đấu thầu và chúng có thể chứa một số phụ kiện tùy chọn. Các đặc tính kỹ thuật của máy có thể thay đổi mà không báo trước. Công suất máy hoạt động tùy thuộc vào điều kiện vận hành cụ thể. No. 2525048 EN-03/16 © bởi WIRTGEN GmbH 2016. Tài liệu được dịch bởi công ty Vitrac.